TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 274/2018/HS-ST
Ngày: 23/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 244/2018/TLST-HS ngày 17/9/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2018/QĐXXST-HS ngày 03/10/2018, đối với bị cáo:

1. Đỗ Trọng Ng; sinh năm: 1968; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Số 5 đường C, khu phố x, phường H, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số, xa lộ H, khu phố x, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Trọng K (chết); và bà: Phạm Thị H (chết); vợ Nguyễn Thị Thu H, có hai con (sinh năm 1991, 1995); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 15/12/2016. (Có mặt)

2. Thiều Khắc Th; sinh năm: 1991; tại: Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: K4/77 khu phố x, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: 589/41 Xa lộ H, khu phố x, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thiều Khắc T; và bà: Lê Thị Ngọc L; vợ Đỗ Thị Phương H; Có 01 con sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 15/12/2016 đến ngày 09/02/2018 thay đổi biên pháp ngăn chặn, áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Công ty Cổ phần số x, trụ sở: 36 đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có người đại diện là anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1974, địa chỉ:

48/9/23 đường H, phường x, quận y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Công ty TNHH V, trụ sở: 52 đường T, phường H, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. Có người đại diện là anh Trần Anh V, sinh năm 1984, địa chỉ: 267/3A đường L, khu phố x, phường H, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Công ty TNHH Đ, trụ sở: 38 đường 904, khu phố 6, phường H, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. Có người đại diện là anh Trần Anh V, sinh năm 1984, địa chỉ: 267/3A đường L, khu phố x, phường H, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Công ty TNHH N, địa chỉ: Số 5, lô E4, khu dân cư A, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Có người đại diện là anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1982, địa chỉ: 673/12 đường L, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

5. Công ty Cổ phần B, địa chỉ: 01 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có người đại diện là anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1976, địa chỉ: 2/5 đường x, khu phố y, phường T, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

6. Anh Nguyễn Hoài H, sinh năm 1968, địa chỉ: 23 đường x, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Văn Anh T, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

8. Anh Lâm Văn P, sinh năm 1967, địa chỉ: 290/124 đường N, Phường x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

9. Anh Văn Hồng P, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn N, xã A, xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

10. Anh Võ Văn Bé B, sinh năm 1984, địa chỉ: phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

11. Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1996, địa chỉ: Hẻm 151 phường X, thị xã L, tình Đồng Nai. (Vắng mặt)

12. Anh Nguyễn Hồ M, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

13. Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm x, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

14. Anh Võ Hữu T, sinh năm 1977, địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. (Vắng mặt)

15. Anh Trương Thanh N, sinh năm 1980, địa chỉ: 468 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

16. Anh Hoàng Xuân K, sinh năm 1987, địa chỉ: 96 Ấp T, xã T, huyện Đ, Bình Phước. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đoàn Tiến D, sinh năm: 1958, địa chỉ: 136D đường L, khu phố x, phường H, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Anh Phùng Quốc Th, sinh năm: 1981, địa chỉ: K5/19E đường T, khu phố x, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. Anh Phạm Tấn L, sinh năm: 1993, địa chỉ: 348 đường N, khu phố G, phường L, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987, địa chỉ: 348/1B đường N, phường L, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

5. Anh Lê Thanh T, sinh năm: 1997, địa chỉ: 85 đường N, khu phố x, phường L, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

6. Anh Trần Văn T, sinh năm: 1990, địa chỉ: 348/1B khu phố G, phường L, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Trọng S, sinh năm: 1994, địa chỉ: 136/22B khu phố x, phường H, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Vào khoảng tháng 12 năm 2015, Đỗ Trọng Ng thấy hàng đêm có nhiều xe ô tô tải, xe container đến Công ty C đóng tại địa bàn phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy hàng. Tuy nhiên, trong khuôn viên Công ty C không chứa hết phải đậu xe ngoài đường xếp hàng nên Ng nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các tài xế bằng thủ đoạn đe dọa đánh đập, nếu không đưa tiền thì bị mất đồ trên xe và không cho vào lấy hàng, buộc các tài xế phải đưa tiền. Mỗi ngày bắt đầu từ 18 giờ, Ng đến trước cổng Công ty C yêu cầu mỗi xe đến nhận hàng của Công ty C phải nộp cho Ng từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Đến đầu năm 2016, Ng đưa ra quy định cho các tài xế xe tải đến Công ty C lấy hàng cụ thể xe tải từ 1,4 tấn đến 12 tấn phải đóng 50.000 đồng đến 100.000 đồng, xe container phải nộp 120.000 đồng đến 150.000 đồng. Trong khoảng thời gian này Ng nhờ Thiều Khắc Th là con rể Ng, Đoàn Tiến D, Phùng Quốc Th, Bùi Anh T và Hiếu bụi đời (không rõ lai lịch) người quen biết ngoài xã hội đến trông coi thu tiền các tài xế đến giao nhận hàng, mỗi ngày Ng chia từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Ngoài ra, Ng còn liên hệ nhờ Phạm Tấn L, Nguyễn Văn H, Lê Thanh T, Trần Văn T, Nguyễn Trọng S là nhân viên Công ty dịch vụ bảo vệ L tại 155 đường D, phường x, quận B do Công ty C thuê bảo vệ để ghi lại biển số xe tải vào lấy hàng tại Công ty C và báo cho Ng biết khi Ng không có mặt để thu tiền, Ng trả công cho mỗi ngày từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Đối với tài xế mới nhận hàng lần đầu không chịu đưa tiền hoặc không đủ tiền đưa thì Ng cùng đồng bọn hăm dọa đánh đập hoặc cho người gây áp lực. Đối

với các xe ở các tỉnh xa, khoảng 1 đến 2 tháng mới lấy hàng một lần thì Ng trực tiếp lấy tiền của tài xế từ 70.000 đồng đến 150.000 đồng tùy từng loại xe. Đối với các đoàn xe của các doanh nghiệp vận tải thường xuyên đến Công ty C lấy hàng thì Ng tiếp cận và yêu cầu tài xế liên hệ với chủ doanh nghiệp trực tiếp đưa tiền cho Ng hoặc chuyển tiền vào tài khoản 0381002998674 - Ngân hàng Vietcombank T của Ng.

Bằng thủ đoạn như trên, từ tháng 12/2015 đến ngày 10/12/2016, Đỗ Trọng Ng chiếm đoạt của các tài xế xe tải và các chủ công ty vận tải, cụ thể của: Công ty vận tải số 5 số tiền: 43.080.000 đồng (BL: 124;358- 361;400); Công ty Đ - C số tiền: 24.000.000 đồng (BL: 348; 354-355;401); Nguyễn Hoài H 17.500.000 đồng (BL:480); Công ty N, số tiền 17.500.000 đồng (BL: 122; 158; 350;401; 422,); Công ty cổ phần B, số tiền 52.500.000 đồng (BL: 401 ;519); chiếm đoạt của các tài xế: Nguyễn Văn Anh T, số tiền 400.000 đồng (406-407); Lâm Văn P, số tiền 5.760.000 đồng (BL: 408-409); Văn Hồng P, số tiền 1.800.000 đồng (BL:410-410c); Võ Văn Bé B, số tiền 1.500.000 đồng (BL: BL: 412;522); Nguyễn Đình M, số tiền 770.000 đồng (BL: 414); Nguyễn Hồ M, số tiền 700.000 đồng (BL: 416); Nguyễn Quốc D, số tiền 1.500.000 đồng (BL: 418;512;523); Võ Hữu T, số tiền 1.300.000 đồng (BL: 420; 513; 523); Trương Thanh N, số tiền 150.000 đồng (BL: 424); Hoàng Xuân K, số tiền 750.000 đồng (BL: 426). Tổng cộng là 169.210.000 đồng. Trong đó Thiều Khắc Th biết Ng đe dọa ép buộc những tài xế xe tải vào Công ty C phải đưa tiền, nhưng Th vẫn giúp Ng thu tiền của các tài xế xe tải được ba lần. Tổng cộng 5.940.000 đồng, cụ thể: lần thứ nhất vào tháng 9 năm 2016 thu được 1.400.000 đồng, lần thứ hai vào tháng 10/2016 thu được 1.300.000 đồng và lần thứ ba vào ngày 09/12/2016 thu được 3.240.000 đồng (BL: 443-444).

Ngày 12/12/2016, Báo Tuổi trẻ đăng bài "Ép tài xế đóng tiền bảo kê vào công ty chở hàng" xảy ra tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đóng trên địa bàn phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị hại làm đơn tố cáo Đỗ Trọng Ng cùng đồng phạm. Ngày 15/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T ra lệnh bắt khẩn cấp Đỗ Trọng Ng, Thiều Khắc Th về hành vi Cưỡng đoạt tài sản để điều tra xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận T, Đỗ Trọng Ng, Thiều Khắc Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. (208-241 ;382-385;398-404;442-444;474-479)

Vật chứng vụ án:

- 7.760.000 đồng (thu của Ng 6.110.000 đồng, thu của Tân 300.000 đồng, thu của L 450.000 đồng, thu của H 900.000 đồng). (BL: 278-280;283)

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng và 01 điện thoại Nokia 1135 màu đen của Đỗ Trọng Ng.

- 01 điện thoại di động Sony Xperia C4 Dual (E333) màu trắng của Thiều Khắc Th. (BL: 282).

Trách nhiệm dân sự:

Những tài xế, là người bị hại, gồm: Lâm Văn P yêu cầu bồi thường số tiền 5.760.000 đồng (BL: 408-409); Văn Hồng P, yêu cầu bồi thường số tiền 1.800.000 đồng (BL:410-411c); Võ Văn Bé B yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (BL: 522); Nguyễn Quốc D yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (BL: 418;512;523); Võ Hữu T yêu cầu bồi thường, số tiền 1.300.000 đồng (BL: 420)

Anh Nguyễn Hoài H là giám đốc Công ty vận tải H không yêu cầu bồi thường số tiền 17.500.000 đồng (BL: 480). Đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần số x là anh Phạm Ngọc B không yêu cầu bồi thường số tiền: 43.080.000 đồng (BL: 373;360-361). Đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần B là anh Nguyễn Ngọc S không yêu cầu bồi thường số tiền 52.500.000 đồng (BL: 502; 519). Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N là anh Nguyễn Thanh Ph không yêu bồi thường số tiền 17.500.000 đồng. (BL: 303; 350). Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Đ, V là anh Trần Anh V không yêu cầu bồi thường số tiền 24.000.000 đồng; (BL: 372; 353a, 354-355);

Những tài xế là người bị hại, gồm: anh Nguyễn Văn Anh T, Nguyễn Đình M, Nguyễn Hồ M, Trương Thanh N và Hoàng Xuân K không yêu cầu bồi thường (BL: 406-407;414-416; 424;426)

Quá trình điều tra, truy tố Đỗ Trọng Ng và Thiều Khắc Th thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Riêng Thiều Khắc Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999

Đối với việc bị can Ng khai chiếm đoạt số tiền 700.000 đồng của công ty V, tuy nhiên không có người bị hại đến trình báo, cơ quan điều tra xác minh, hiện công ty này đã di dời trụ sở hiện chưa xác được người bị hại ở đâu, nên không có căn cứ kết luận Ng chiếm đoạt số tiền này (BL: 508).

Trước khi khởi tố vụ án, tài xế Nguyễn Văn Th, Trần Hoàng Ph khai bị Đỗ Trọng Ng cưỡng đoạt tiền, Cơ quan điều tra đã điều tra, nhưng hai anh Th, Ph đã rời khỏi nơi cư trú, làm việc, hiện chưa xác định được ở đâu, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau (BL: 120; 506; 510-511).

Số tiền do bị can Ng chiếm đoạt của tài xế Lê Lý N và Nguyễn Thanh S là tiền của Công ty N và Công ty cổ phần số x (BL: 122; 124), các công ty này đã ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng.

Đối với Phùng Quốc Th khai nhận từ tháng 12/2015, Th được Ng thuê đứng ra thu tiền của các tài xế xe tải được trả công mỗi ngày 200.000 đồng đến tháng 3/2016 thì Th biết việc Ng thuê Th thu tiền của các tài xế là vi phạm pháp luật nên Th làm tiếp 02 ngày thì nghỉ việc nhưng 02 ngày Th làm thì không xác định cụ thể Th thu tiền của tài xế nào, số tiền là bao nhiêu. Đoàn Tiến D là người được Ng nhờ thu tiền, nhưng D không nhớ thu vào ngày nào và số tiền là bao nhiêu, sau đó D không làm cho Ng nữa mà bỏ đi. Các đối tượng Phạm Tấn L, Nguyễn Văn H, Lê Thanh T, Trần Văn T, Nguyên Trọng S là những người làm bảo vệ cho Công ty C có giúp Ng ghi lại biển số xe ô tô vào Công ty C lấy hàng để Ng thu tiền, được Ng cho tiền ba lần, mỗi lần từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng nhưng

không nhớ ngày cụ thể và những người này không biết Ng hăm dọa những người lái xe để thu tiền. Ngày 08/5/2018, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức ra quyết định trả hồ sơ Điều tra bổ sung yêu cầu điều tra làm rõ để khởi tố, xử lý đối với các đối tượng này về vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đều xác định hành vi của Phùng Quốc Th, Đoàn Tiến D, Phạm Tấn L, Nguyễn Văn H, Lê Thanh T, Trần Văn T, Nguyễn Trọng S chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau. Riêng Bùi Anh T, Hiếu bụi đời do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức chưa ghi được lời khai nên tiếp tục xác minh làm rõ và cũng cố chứng cứ xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Trọng Ng, Thiều Khắc Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Người đại diện bị hại Công ty Cổ phần B là anh Nguyễn Ngọc S xác định Cáo trạng là đúng, Công ty B không có yêu cầu gì.

[2] Bản Cáo trạng số 250/CT-VKSTĐ ngày 13/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Đỗ Trọng Ng về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm b, d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Thiều Khắc Th về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Đỗ Trọng Ng, Thiều Khắc Th phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo Đỗ Trọng Ng từ 04 năm đến 05 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo Thiều Khắc Th từ 14 tháng đến 18 tháng tù; phần dân sự buộc các bị cáo bồi thường theo yêu cầu của các bị hại, tịch thu sung quỹ Nhà nước 03 điện thoại và số tiền thu giữ.

Các bị cáo không tranh luận hoặc bào chữa gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo Đỗ Trọng Ng biết tội, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Thiều Khắc Th xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Đỗ Trọng Ng, Thiều Khắc Th phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản trình báo vụ việc, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo Đỗ Trọng Ng đã có hành vi dùng đe dọa dùng vũ lực, đe dọa lấy tài sản, phá hư xe hoặc không cho vào lấy hàng để các tài xế đang chờ lấy hàng tại cổng Công ty C miễn cưỡng đưa tiền cho bị cáo chiếm đoạt. Qua điều tra xác định được 16 bị hại gồm 6 công ty vận tải và 10 tài xế bị bị cáo chiếm đoạt với số tiền tổng cộng là 169.210.000 đồng; bị cáo Thiều Khắc Th giúp cho bị cáo Ng thu tiền của các tài xế được 3 ngày với tổng số tiền 5.940.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận các bị cáo Đỗ Trọng Ng, Thiều Khắc Th đã phạm "Tội cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với Đoàn Tiến D, Phùng Quốc Th có hành vi giúp cho bị cáo Ng thu tiền của các tài xế; đối với các nhân viên bảo vệ Phạm Tấn L, Nguyễn Văn H, Lê Thanh T, Trần Văn T, Nguyên Trọng S biết việc Ng thu tiền các xe ra vào Công ty C, đã thông báo số xe các xe ra vào cho Ng khi Ng không có mặt. Các đối tượng nêu trên đã có hành vi giúp sức cho Ng thực hiện hành vi phạm tội, Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ để xử lý, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn giữ quan điểm chỉ truy tố đối với bị cáo Ng và Thanh. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử, chỉ xét xử đối với bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố. Kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục xác minh làm rõ và cũng cố chứng cứ xử lý đối với hành vi của các đương sự nêu trên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Ng, Th là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi, các bị đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội trên địa bàn dân cư. Các bị cáo phạm tội có đồng phạm, trong đó, bị cáo Ng là người chủ mưu, cầm đầu, bị cáo Th là đồng phạm thực hành. Bị cáo Ng thực hiện hành vi cưỡng đoạt nhiều rất nhiều lần, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 169.210.000 đồng, lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính, phạm tội có tính chuyên nghiệp, đây là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, do tổng giá trị tài sản của các lần phạm tội được cộng để định khung hình phạt và không có lần phạm tội nào chiếm đoạt tài sản trên 50.000.000 đồng nên không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần đối với bị cáo Ng; bị cáo Th đồng phạm với bị cáo Ng thực hiện 3 lần, chiếm đoạt số tiền tổng cộng 5.940.000 đồng, nên cần xử lý theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo với hình phạt thật nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p

khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Bị hại anh Võ Văn Bé B yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, anh Lâm Văn P yêu cầu bồi thường số tiền 5.760.000 đồng, anh Văn Hồng P yêu cầu bồi thường số tiền 1.800.000 đồng, anh Nguyễn Quốc D yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, anh Võ Hữu T yêu cầu bồi thường số tiền 1.300.000 đồng. Anh Võ Văn Bé B xác định ngoài bị cáo Ng còn có bị cáo Th thu tiền của anh, các bị hại còn lại xác định việc chiếm đoạt tài sản do bị cáo Ng hoặc người khác thực hiện theo chỉ đạo của Ng. Xét thấy việc thu tiền của các tài xế do bị cáo Th hay những người khác đều thực hiện theo yêu cầu của bị cáo Ng và tiền thu về đều đưa cho hết bị cáo Ng nên cần buộc bị cáo Ng trực tiếp chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ.

Anh Nguyễn Hoài H là chủ sở hữu Công ty H, Công ty Cổ phần Số x có người đại diện là anh Phạm Ngọc B, Công ty Cổ phần B có người đại diện là anh Nguyễn Ngọc S, Công ty TNHH N có người đại diện là anh Nguyễn Thanh Ph, Công ty TNHH V và Công ty TNHH Đ có người đại diện là anh Trần Anh V đều không yêu cầu bồi thường; các bị hại là tài xế anh Nguyễn Văn Anh T, Nguyễn Đình M, Nguyễn Hồ M, Trương Thanh N và Hoàng Xuân K không yêu cầu bồi thường, xét thấy đây là sự tự nguyện nên ghi nhận.

- Số tiền 6.110.000 đồng thu giữ của bị cáo Ng là tài sản chiếm đoạt được thu hồi, cần dùng số tiền này bồi thường cho các bị hại, số tiền còn thiếu bị cáo Ng tiếp tục bồi thường.

- 300.000 đồng thu giữ của T, 450.000 đồng thu giữ của L, 900.000 đồng thu giữ của H là tiền các đương sự được bị cáo Ng trả công, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Trong 3 lần bị cáo Th đi thu tiền, được bị cáo Ng trả công tổng cộng 500.000 đồng, đây là tiền do phạm tội mà có, cần buộc bị cáo Th nộp lại, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng và 01 điện thoại Nokia 1135 màu đen của Đỗ Trọng Ng, 01 điện thoại di động Sony Xperia C4 Dual (E333) màu trắng của Thiều Khắc Th là công cụ, phương tiện liên lạc khi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Trọng Ng, Thiều Khắc Th phạm "Tội cưỡng đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 135, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: 1. Bị cáo Đỗ Trọng Ng 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2016.

- Căn cứ khoản 1 Điều 135, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: 2. Bị cáo Thiều Khắc Th 01 (Một) năm 01 (Một) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 09/02/2018. Bị cáo Thiều Khắc Th đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Đỗ Trọng Ng bồi thường cho:

1. Anh Võ Văn Bé B 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng.

2. Anh Lâm Văn P 5.760.000 (Năm triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng.

3. Anh Văn Hồng P 1.800.000 (Một triệu, tám trăm ngàn) đồng.

4. Anh Nguyễn Quốc D 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng.

5. Anh Võ Hữu T 1.300.000 (Một triệu, ba trăm ngàn) đồng.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Tạm giữ số tiền 6.110.000 (Sáu triệu, một trăm mười ngàn) đồng thu giữ của bị cáo Đỗ Trọng Ng để bồi thường cho các bị hại.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 1.650.000 (Một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn) đồng, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng, 01 điện thoại Nokia 1135 màu đen, 01 điện thoại di động Sony Xperia C4 Dual (E333) màu trắng.

+ Buộc bị cáo Thiều Khắc Th nộp 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

(Vật chứng tại Phiếu nhập kho số 85 ngày 05/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, tiền tại Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức ngày 12/6/2017)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đỗ Trọng Ng chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị

hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNVLQ
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.TĐ
- PC27
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Trung Tuấn